

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2020/DS-PT

Ngày: 25-9-2020

*V/v: “Tranh chấp lỗi đi công cộng;
yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh
thần, sức khỏe, chi phí khởi kiện và
buộc công khai xin lỗi”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Toàn

Các thẩm phán: Ông Lê Văn Quý

Bà Phạm Thị Xuân Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Đường Hạc Vương Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 152/2020/TLPT-DS ngày 22 tháng 6 năm 2020 về việc “*Tranh chấp lỗi đi công cộng; yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần, sức khỏe, chi phí khởi kiện và buộc công khai xin lỗi*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2020/DS-ST ngày 13/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 197/2020/QĐ-PT ngày 21/8/2020 và quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 320/2020/QĐ-PT ngày 14/9/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trịnh Công Đ, sinh năm 1954.

Địa chỉ: khu phố C, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn B, sinh năm 1968.

Địa chỉ: khu phố C, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Vũ Thị H, sinh năm 1954.

+ Chị Trịnh Công Bích D, sinh năm 1982.

+ Anh Trịnh Công D1, sinh năm 1991.
+ Anh Trịnh Công D2, sinh năm 1984.
Cùng địa chỉ: khu phố C, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.
Người đại diện theo ủy quyền của bà H, chị D, anh D1: Ông Trịnh Công Đ
(văn bản ủy quyền ngày 14/10/2018)
+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969.
+ Chị Phạm Thị Kim L, sinh năm 1990.
+ Chị Phạm Thị Ngọc Y, sinh năm 1993.
+ Anh Phạm Quốc V, sinh năm 1995.
Cùng địa chỉ: khu phố C, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.
+ Công ty Xăng dầu N.
Địa chỉ: phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.
+ Ủy ban nhân dân phường B.
Địa chỉ: UBND phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.
4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Trịnh Công Đ.
(Ông Đ có mặt; các đương khác vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo án sơ thẩm, nguyên đơn ông Trịnh Công Đ trình bày:

Theo bản thiết kế thì Công ty xăng dầu N để lối đi 1,5m cho các hộ dân ở phía sau cây xăng, lối đi này là đất của công ty xăng dầu N, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1998. Ông Phạm Đức T là bố của ông B cho rằng lối đi này là đất của ông T mua cho ông B đứng tên, ông B đã từng khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Cây xăng N và đã bị Tòa án đình chỉ vì hết thời hiệu. Trên đất mà ông B cho rằng thuộc quyền quản lý của ông B thì ông T đã xây dựng tường làm cổng chắn ngang lối đi từ nhà ông ra 1.2m và một cổng từ nhà ông T ra 4m. Như vậy, khi đi ra đường lộ gia đình ông Đ phải đi qua 02 cái cổng và chỉ đi được lúc cổng mở, khi cổng đóng thì phải leo thang ra ngoài.

Ngày 15/5/2018, UBND phường B đã mời ông B ra hòa giải nhưng hòa giải không thành.

Ngày 24/8/2018, ông Đ làm đơn khởi kiện yêu cầu ông Phạm Đức T và ông Phạm Văn B phải tháo dỡ tường rào và 02 cái cổng trả lại hiện trạng ban đầu.

Ngày 25/10/2018, Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Đ, bà H, chị D và anh D1 về việc yêu cầu ông B và ông T phải bồi thường thiệt hại về tinh thần với số tiền là 125.000.000 đồng cho mỗi người.

Ngày 02/4/2019, ông Đ, bà H, chị D và anh D1 làm đơn xin rút phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Ngày 03/9/2019, ông Đ có đơn sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện với nội dung là yêu cầu ông Phạm Văn B phải tháo dỡ tường rào, trả lối đi đúng 3m cho ông, xin lỗi ông bằng văn bản và bồi thường thiệt hại cho ông tổng số tiền là 207.367.000 đồng (trong đó bồi thường thiệt hại tinh thần 193.700.000đ, về sức khỏe 4.067.000đ và chi phí khởi kiện 9.600.000đ). Đối với yêu cầu ông Phạm Đức T và ông Phạm Văn B phải tháo dỡ 02 cái cổng trả lại hiện trạng ban đầu theo đơn khởi kiện ngày 24/8/2018 ông không yêu cầu Tòa giải quyết vì ngày 17/5/2019, UBND phường B cưỡng chế tháo dỡ 02 cổng sắt hiện không còn.

Sau khi Tòa án tạm ngưng phiên tòa, ngày 04/3/2020, ông Trịnh Công Đ có đơn yêu cầu bổ sung về việc yêu cầu ông B phải tháo dỡ bức tường (còn lại) 0,9m, cao 0,45m mà nay ông B đã xây cao 1,6m để trả lại hiện trạng ban đầu, theo đơn khởi kiện ngày 24/8/2018.

+ Theo án sơ thẩm, bị đơn ông Phạm Văn B đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L, chị Phạm Thị Kim L, chị Phạm Thị Ngọc Y và anh Phạm Quốc V trình bày:

Vào khoảng tháng 05/2018, bố ông là Phạm Đức T có làm hai cái cổng trên đất thuộc sở hữu nhà ông; 01 cái hướng ra cây xăng và 01 cái sát bên hộ ông Trịnh Công Đ và bên trong hộ ông Đ còn hộ của bà Huỳnh Thị Bạch H sinh sống, nhưng từ ngày làm đến nay hai cổng chưa bao giờ khóa hoặc đóng vẫn tạo điều kiện cho hai hộ bên trong đi nhờ qua lại dễ dàng trước nhà ông. Còn về lý do mà nhà ông phải xây cổng là vì từ năm 2006, cây xăng xây bờ tường trước cửa nhà ông và hai hộ bên trong, từ ngày xây bức tường này xảy ra rất nhiều tệ nạn xã hội như hút chích và buôn ma túy, mỗi khi xe khách vào đổ xăng thì khách hay vào sau bức tường để đi vệ sinh do cây xăng không có nhà vệ sinh cho khách nên rất mất vệ sinh. Tuy nhiên, từ ngày làm cổng và cán nền lại hầu như những tệ nạn đó không còn nữa. Vì vậy, việc ông Trịnh Công Đ khởi kiện việc gia đình ông làm cổng và làm tường rào nhằm cản trở lối đi chung là không có căn cứ vì cổng sắt và tường rào được xây trên đất nhà ông.

Vào ngày 17/5/2019, UBND phường B và Công an phường đến cưỡng chế tháo dỡ cổng sắt, cắt cả mái tôn của gia đình ông, ông đồng ý, không khiếu nại gì về việc cưỡng chế đó. Nay, ông Đ lại tiếp tục khởi kiện ông về việc trả lại lối đi đủ 3m là không có căn cứ vì từ khi UBND phường B thực hiện cưỡng chế đến nay ông chỉ xây dựng thêm tường gạch bờ rào trên đoạn tường có sẵn từ lâu trước đó, hơn nữa phần đất mà ông xây dựng không thuộc sở hữu của ông Đ và việc ông xây dựng bờ tường gạch là tính từ cột mốc bằng xi măng tiếp giáp giữa nhà ông với nhà ông Đ xây lên trên theo chiều thẳng đứng, cột mốc này do đội cưỡng chế cắm lên, ông không đụng chạm hoặc làm sai lệch diện tích. Còn việc thiếu hay đủ diện tích đường đi không phải trách nhiệm của ông nên ông không có trách nhiệm phải trả lại cho ông Đ lối đi đúng 03m như yêu cầu khởi kiện.

Còn việc ông Đ yêu cầu ông phải bồi thường thiệt hại về tinh thần và sức khỏe đồng thời xin lỗi công khai đối với ông Đ bằng văn bản thì ông không đồng ý vì cách đây vài năm ông Đ bị tai biến và phải nhập viện, bản thân ông và một vài người hàng xóm có đi thăm, nay hóa đơn chứng từ khám bệnh mà ông Đ nộp cho Tòa là do ông Đ bị di chứng tai biến trước đó, không phải do ông làm ông Đ té ngã.

+ *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị H, chị Trịnh Công Bích D, anh Trịnh Công D1 do ông Trịnh Công Đ đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Lối đi ra đường công cộng của nhà bà H, chị D, anh D1 cũng là nhà của ông, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai thiết kế tại bản vẽ số 11389/2017 ngày 08/11/2017 có chiều rộng là 3m. Vào tháng 04/2018, ông Phạm Văn B xây tường làm 02 cái cổng trên lối đi từ nhà ông ra.

Ông B đã căn cứ vào Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/8/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai để cho rằng gia đình ông đi nhờ qua đất của nhà ông B là không đúng, bởi lẽ vào năm 2006 Công ty Xăng dầu N đã bít lối đi hiện hữu của nhà ông và mở lối đi khác, lối đi này thuộc đất của Công ty Xăng dầu N và đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng phải đi qua trước cửa nhà của ông B, từ đó gia đình ông B đưa cho gia đình ông coi giấy mua bán nhà có ghi phía Bắc giáp QL1, diện tích 877,5m² và cho rằng là gia đình ông đi nhờ qua nhà ông B.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Đồng Nai tại Quyết định 1709/QĐ-UBND ngày 18/5/2018, UBND phường B đã cưỡng chế tháo dỡ công trình do ông B xây dựng, tại biên bản cưỡng chế thể hiện: Đo từ tường rào cây xăng vào trong là 03m, biên bản còn thể hiện ông B chống đối và không ký biên bản.

Khi ông đo lại từ tường rào cây xăng vào đến ranh đất nhà ông đúng 3m, nhưng từ tường rào cây xăng vào đến công trình ông B xây dựng chỉ có 2,7m và 2,79m và từ tường rào cây xăng vào đến cổng nhà ông B là 3,1m.

Ông đã khiếu nại đến UBND phường thì được trả lời rằng UBND phường đã thực hiện theo đúng Quyết định 1709/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai và không thể hiện việc cấm mốc ranh giới.

Ông B cho rằng là do UBND phường cấm mốc ranh giới, nhưng không có văn bản nào chứng minh việc UBND phường cấm mốc ranh giới 2,7m và 2,79m.

Do đó, căn cứ vào bản vẽ số 11389/2017 ngày 08/11/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai và Biên bản cưỡng chế tháo dỡ ngày 17/5/2019 của UBND phường B thì ông B phải tháo dỡ công trình đã xây dựng trả lối đi từ nhà gia đình ông ra đủ 3m.

+ *Ý kiến của UBND phường B, thành phố Biên Hòa:*

Việc ông Trịnh Công Đ và ông Phạm Văn B khởi kiện Công ty xăng dầu N chiếm lối đi kéo dài từ năm 2000 đến nay, vụ việc đã được Thanh tra tỉnh Đồng Nai, Thanh tra thành phố Biên Hòa xử lý đơn và trả lời bằng văn bản.

Căn cứ Công văn số 95/UBND-TCD ngày 04/01/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc hỗ trợ Công ty xăng dầu N xây dựng lại tường rào mới liên quan việc thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết khiếu nại của ông Trịnh Công Đ ngụ tại phường B, thành phố H.

Thực hiện chỉ đạo tại văn bản số 1894/UBND-NC ngày 21/02/2019 của UBND thành phố Biên Hòa về việc hỗ trợ Công ty xăng dầu N xây dựng tường rào. Tại nội dung văn bản giao UBND phường hỗ trợ Công ty xăng dầu N thực hiện việc xây dựng tường rào mới trả lại 126m² đất để làm đường đi công cộng.

Công ty xăng dầu N đã thuê đơn vị là Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai thực hiện việc cắm mốc ranh đất (cọc bê tông) giữa Công ty Xăng dầu N với các hộ liền kề (Hộ ông Phạm Văn B sử dụng đất thuộc thửa đất 26, tờ bản đồ số 41) để làm đường đi chung.

Công ty xăng dầu N là đơn vị thực hiện phá dỡ tường rào cũ, đổ bê tông đường đi, xây dựng hàng rào mới đúng mốc ranh giới theo bản trích lục và đo chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính 11389/2017 ngày 08/11/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai lập đối với thửa đất số 131, tờ bản đồ số 32 bản đồ địa chính phường B để làm lối đi chung với diện tích 126m².

Ngày 25/4/2019, Công ty xăng dầu N có biên bản bàn giao đất nói trên cho phường B quản lý.

Ngày 17/5/2019, UBND phường B đã căn cứ vào biên bản bàn giao lối đi đã hỗ trợ Công ty Xăng dầu N thực hiện cưỡng chế tháo cổng sắt, cắt tôn, bảng hiệu quảng cáo lấn chiếm lối đi của nhà ông T, ông B để trả lại lối đi cho người dân phía sau cây xăng.

Như vậy, hiện nay UBND phường B, thành phố H đang là đơn vị quản lý diện tích 126m² được UBND tỉnh Đồng Nai giao theo Quyết định 1709/QĐ-UBND ngày 18/5/2018 và diện tích này là đất thuộc đường đi công cộng do Nhà nước quản lý, không phải đất được cấp cho riêng cá nhân nào.

Việc thực hiện cưỡng chế tháo cổng sắt, cắt tôn, bảng hiệu quảng cáo do nhà ông B, ông T xây dựng trước đó đã được UBND phường B thực hiện theo Biên bản bàn giao của Công ty xăng dầu N được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai cắm mốc ranh.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Công Đ đối với ông Phạm Văn B, UBND phường B đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật có liên quan để xử lý và giải quyết.

+ *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty xăng dầu N:* Không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2020/DS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tuyên xử:

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 186; 187; 192; 217; 218; Điều 220; 227; 228; 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 584 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự 2005 về bồi thường thiệt hại dân sự ngoài hợp đồng.

Căn cứ Điều 208 của Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ điểm d, đ Điều 12 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009:

Tuyên xử:

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông Trịnh Công Đ về việc buộc ông Phạm Văn B phải tháo dỡ tường rào, trả lối đi đúng 3m thuộc thửa đất số 131, tờ bản đồ số 32 phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

- Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện này là đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại yêu cầu đó, nếu việc khởi kiện này không có gì khác với yêu cầu đã đình chỉ về người khởi kiện, người bị kiện, quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 của bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Công Đ về việc buộc ông Phạm Văn B phải xin lỗi công khai bằng văn bản và bồi thường thiệt hại về tinh thần, sức khỏe cho ông với số tiền 207.367.000đ (hai trăm lẻ bảy triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn đồng)

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 16/3/2020 (theo dấu dịch vụ bưu chính) nguyên đơn ông Trịnh Công Đ kháng cáo bản án sơ thẩm và yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết buộc bị đơn ông Phạm Văn B phải tháo dỡ tường rào dài 1,17m, trả đường đi đúng 03m, xin lỗi ông bằng văn bản, bồi thường cho ông số tiền 207.367.000 đồng tiền tổn thất tinh thần, sức khỏe, chi phí khởi kiện và buộc bị đơn phải chịu số tiền 900.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Tại phiên tòa, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án. Không đương sự nào cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

- Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn làm đơn kháng cáo trong hạn luật định nên được xem xét.

- Về đường lối giải quyết:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm số 08/2020/DS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai về áp dụng điều luật và phần yêu cầu bồi thường thiệt hại tổn thất về tinh thần theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại tổn thất về tinh thần của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có trách nhiệm bồi thường cho nguyên đơn 14.900.000 đồng.

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trịnh Công Đ; sửa bản án sơ thẩm số 08/2020/DS-ST ngày 13/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Trịnh Công Đ làm trong thời hạn và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Trịnh Công Đ2, Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H có đơn xin xét xử vắng mặt còn ông Phạm Văn B, bà Nguyễn Thị L, chị Phạm Thị Kim L, chị Phạm Thị Ngọc Y, anh Phạm Quốc V, Công ty xăng dầu N đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ khoản 2, 3 Điều 296 Bộ luật tố Tụng dân sự mở phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, đương sự trong vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng và đầy đủ.

[4] Về nội dung:

Qua chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm thể hiện: Về lỗi đi các đương sự tranh chấp, nguyên đơn cho rằng bị đơn

xây bức tường dài 1,17m, cao 1,6m lấn chiếm đường đi công cộng nên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải tháo dỡ tường rào trả lối đi đúng 3m, do bị đơn làm 02 cái cổng chắn ngang lối đi nên việc đi lại của nguyên đơn rất khó khăn ảnh hưởng đến tinh thần và do bị đơn xây 01 cái gờ cao 10cm, nguyên đơn chạy xe bị té đập tay, trảng dịch phổi nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn xin lỗi ông bằng văn bản và bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn tổng cộng là 207.367.000 đồng (trong đó bồi thường thiệt hại tinh thần 193.700.000đ, về sức khỏe 4.067.000đ và chi phí khởi kiện 9.600.000đ). Về phía bị đơn cho rằng, bị đơn xây dựng bức tường là xây trên bức tường cũ áp vào cột mốc do UBND phường B cấm tại thời điểm cưỡng chế tháo dỡ cổng sắt và mái tôn nhà của bị đơn, bị đơn không xê dịch hay làm thay đổi diện tích sau khi cưỡng chế nên bị đơn không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn, còn đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về tinh thần, sức khỏe, chi phí khởi kiện và xin lỗi bằng văn bản của nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý vì cách đây vài năm nguyên đơn bị tai biến và phải nhập viện, bản thân bị đơn và một vài người hàng xóm có đi thăm, nay hóa đơn chứng từ khám bệnh mà nguyên đơn nộp cho Tòa là do nguyên đơn bị đi chứng tai biến trước đó, không phải do bị đơn gây ra.

Xét kháng cáo của nguyên đơn, hội đồng xét xử xét thấy:

+ Đối với yêu cầu buộc bị đơn phải tháo dỡ tường rào dài 1,17m, cao 1,6m lấn chiếm lối đi công cộng trả lại lối đi đúng 3m. Xét thấy, lối đi 03m ra đường công cộng của nhà nguyên đơn được hình thành từ Quyết định số 1709/QĐ-UBND ngày 18/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai thu hồi đất của Công ty xăng dầu N để bàn giao cho UBND phường B quản lý làm đường đi công cộng theo bản thiết kế 11389/2017 ngày 08/11/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai.

Thực hiện Quyết định số 1709/QĐ-UBND ngày 18/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, ngày 18/4/2019 Công ty xăng dầu N có công văn số 104/PLXĐN-KT về việc bàn giao diện tích đất thu hồi theo Quyết định 1709/QĐ-UBND ngày 18/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Ngày 25/4/2019, Công ty xăng dầu N có biên bản bàn giao lối đi cho địa phương quản lý, có xác nhận thống nhất của Phòng tài nguyên và môi trường, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Biên Hòa.

Ngày 02/5/2019, Ủy ban nhân dân phường B có thông báo số 41/TB-UBND về việc tháo dỡ hàng rào sắt, bảng hiệu quảng cáo, cột sắt, mái tôn dựng lấn chiếm đường đi công cộng (thuộc đất công do Nhà nước quản lý) trên địa bàn phường B.

Ngày 17/5/2019, Ủy ban nhân dân phường B căn cứ biên bản bàn giao lối đi của Công ty xăng dầu N đã tiến hành cưỡng chế xây dựng cổng, tường rào, bảng hiệu quảng cáo lấn chiếm lối đi chung của bị đơn gây cản trở việc đi lại của người dân. Đã thực hiện xong việc cưỡng chế, tháo dỡ cổng sắt và mái che của bị đơn.

UBND phường B xác định đã thực hiện việc cưỡng chế thu hồi diện tích đất 126m² theo đúng Quyết định 1709/QĐ-UBND ngày 18/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Như vậy, công trình xây dựng của bị đơn là xây dựng lấn chiếm đường đi công cộng (thuộc đất công do Nhà nước quản lý) trên địa bàn phường B.

Cấp sơ thẩm đã căn cứ theo quy định tại các Điều 186, 187; điểm a khoản 1 Điều 192; Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là có căn cứ. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm nhận định, việc bị đơn xây dựng tường rào trên phần đất thuộc UBND phường B quản lý không xâm phạm đến quyền và lợi ích của nguyên đơn, do đó, nguyên đơn không có quyền khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự là chưa chính xác. Trường hợp này bị đơn xây dựng lấn chiếm đường giao thông công cộng thuộc quyền quản lý của nhà nước nên không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm phần này về áp dụng điều luật cho đúng.

+ Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn tại phiên tòa sơ thẩm là yêu cầu Tòa án buộc bị đơn tháo dỡ bức tường 0,9m, cao 0,45m mà nay bị đơn đã xây cao 1,6m để trả lại hiện trạng ban đầu, theo đơn khởi kiện ngày 24/8/2018. Cấp sơ thẩm xác định yêu cầu này của nguyên đơn là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên không xem xét là chưa chính xác, vì theo đơn khởi kiện ngày 24/8/2018 nguyên đơn yêu cầu bị đơn tháo dỡ tường rào trả lại hiện trạng ban đầu đúng 3m và theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/7/2019 thể hiện còn lại bức tường do bị đơn xây dựng có chiều dài 1,17m, cao 49cm và bị đơn mới xây thêm trên bức tường này có chiều cao khoảng 1,6m; mái tôn sau khi bị cưỡng chế tháo dỡ hiện cách bức tường do Công ty xăng dầu xây dựng 2,7m (lấn chiếm 0,3m), cột sắt đỡ mái tôn cách bức tường do Công ty xăng dầu xây dựng 2,79m (lấn chiếm 0,21m) (BL 217d, 217g), như vậy yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn tại phiên tòa sơ thẩm là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc trường hợp không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án như đã nhận định ở trên nên yêu cầu này cũng không được xem xét giải quyết trong vụ án này, lẽ ra cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn và đình chỉ giải quyết phần yêu cầu này mới phù hợp nên cần rút kinh nghiệm đối với cấp sơ thẩm phần này.

+ Đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị H, chị Trịnh Công Bích D, anh Trịnh Công D1 về việc yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại về tinh thần. Xét thấy, ngày 20/10/2018 bà H, chị D, anh D1 có đơn khởi kiện độc lập yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại về tinh thần cho mỗi người với số tiền 125.000.000 đồng (BL 46,47,48). Đến ngày 03/4/2019 cấp sơ thẩm nhận đơn xin rút yêu cầu khởi kiện độc lập của 03 người liên quan là bà H, chị D, anh D1 đề ngày 02/4/2019 qua đường bưu điện (BL 187, 188, 189), cấp sơ

thẩm không xem xét đơn xin rút yêu cầu khởi kiện độc lập của bà H, chị D và anh D1 để đình chỉ xét xử trong bản án đối với các yêu cầu mà đương sự đã rút là thiếu sót. Tuy nhiên, phần này các đương sự không kháng cáo và không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu khởi kiện độc lập của bà H, chị D và anh D1 đã rút yêu cầu và rút kinh nghiệm đối với cấp sơ thẩm phần này.

+ Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại, nguyên đơn cho rằng lỗi đi ra đường công cộng, tại cửa vuông góc bị đơn có làm 01 gờ cao 10cm làm nguyên đơn bị té xe đập tay phải và tràn dịch phổi bên phải nên yêu cầu bị đơn bồi thường về sức khỏe bị xâm phạm 4.067.000 đồng và bị đơn xây dựng 02 cái cổng chắn ngang lối đi làm nguyên đơn rất bức súc, phải suy nghĩ mất ăn, mất ngủ dẫn đến sức khỏe bị sa sút và phải đi khởi kiện nhiều nơi nên yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại tổn thất về tinh thần cho nguyên đơn số tiền 193.700.000 đồng, tiền chi phí khởi kiện 9.600.000 đồng và xin lỗi bằng văn bản, về phía bị đơn không đồng ý.

Hội đồng xét xử, xét thấy:

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe bị xâm phạm 4.067.000 đồng, để chứng minh cho yêu cầu của mình nguyên đơn cung cấp 11 hóa đơn bán hàng và 05 phiếu chỉ định, qua xác minh tại Trung tâm y tế thành phố H ngày 24/9/2020, các hóa đơn do nguyên đơn cung cấp thể hiện nguyên đơn kiểm tra, tầm soát bệnh lao phổi và tràn dịch phổi bên phải, không phải điều trị thương tích, ngoài ra nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc bị đơn xây 01 gờ cao 10cm làm nguyên đơn bị té xe đập tay phải và tràn dịch phổi bên phải, phải điều trị thương tích, do đó cấp sơ thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ.

Đối với yêu cầu bồi thường chi phí khởi kiện 9.600.000 đồng và xin lỗi bằng văn bản, xét thấy nguyên đơn có quyền khởi kiện đồng thời cũng phải có nghĩa vụ đối với việc khởi kiện của mình nên cấp sơ thẩm giải quyết không chấp nhận phần yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại tổn thất về tinh thần 193.700.000 đồng, xét thấy, qua chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa thể hiện, việc bị đơn xây dựng 02 cái cổng chắn ngang lối đi của nguyên đơn là có thật và theo Quyết định số 1709/QĐ-UBND ngày 18/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất của Công ty xăng dầu N để bàn giao cho UBND phường B quản lý làm đường đi công cộng, thông báo số 41/TB-UBND ngày 02/5/2019 của UBND phường B, thành phố H về việc tháo dỡ hàng rào sắt, bảng hiệu quảng cáo, cột sắt, mái tôn dựng lấn chiếm đường đi công cộng (thuộc đất công do Nhà nước quản lý) của bị đơn trên địa bàn phường B và ngày 17/5/2019, Ủy ban nhân dân phường B căn cứ biên bản bàn giao lối đi của Công ty xăng dầu N đã tiến hành cưỡng chế xây dựng cổng, tường rào, bảng hiệu quảng cáo

lấn chiếm lối đi chung của bị đơn gây cản trở việc đi lại của người dân. Đã thực hiện xong việc cưỡng chế, tháo dỡ cổng sắt và mái che của bị đơn, tại hồ sơ bị đơn xác định ngày 17/5/2019, UBND phường B và Công an phường đến cưỡng chế tháo dỡ cổng sắt, cắt mái tôn của gia đình bị đơn, bị đơn đồng ý không khiếu nại gì về việc cưỡng chế. Từ đó có đủ cơ sở xác định việc bị đơn xây dựng 02 cái cổng sắt chắn ngang lối đi của nguyên đơn là trái quy định pháp luật, do đó nguyên đơn cho rằng việc bị đơn xây dựng 02 cái cổng chắn ngang lối đi ảnh hưởng đến tinh thần của nguyên đơn nên yêu cầu bồi thường thiệt hại tổn thất về tinh thần là có căn cứ theo quy định tại Điều 584, 592 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tuy nhiên, mức yêu cầu bồi thường 193.700.000 đồng là không phù hợp nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp, cụ thể: mức lương cơ sở do nhà nước quy định 1.490.000đ/tháng x 10 tháng = 14.900.000 đồng.

Từ những chứng cứ và phân tích ở trên, xét thấy cấp sơ thẩm giải quyết không chấp nhận phần yêu cầu này của nguyên đơn là không có cơ sở, vì vậy cần chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm phần này theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại tổn thất về tinh thần của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có trách nhiệm bồi thường 14.900.000 đồng tiền tổn thất về tinh thần cho nguyên đơn.

[5] Về chi phí tố tụng: Do phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải tháo dỡ tường rào trả lối đi đúng 3m không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án phải đình chỉ nên cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn phải chịu 900.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là có cơ sở.

[6] Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Ông Đ thuộc đối tượng người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, ông Đ được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Do chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 08/2020/DS-ST ngày 13/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên ông B phải chịu 745.000 đồng (14.900.000đ x 5%) án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Ông Đ được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Trịnh Công Đông; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2020/DS-ST ngày 13/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 192; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 244; khoản 2, 3 Điều 296; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 584, 592 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

- Căn cứ Điều 208 của Luật đất đai năm 2013.

- Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự 2005 về bồi thường thiệt hại dân sự ngoài hợp đồng.

- Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Trịnh Công Đ về việc buộc ông Phạm Văn B phải tháo dỡ tường rào, trả lối đi công cộng (thuộc đất công do Nhà nước quản lý) đúng 3m trên địa bàn phường B, thành phố H.

- Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện này là đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại yêu cầu đó, nếu việc khởi kiện này không có gì khác với yêu cầu đã đình chỉ về người khởi kiện, người bị kiện, quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà bà Vũ Thị H, chị Trịnh Công Bích D, anh Trịnh Công D1 về việc “yêu cầu bồi thường thiệt hại về tinh thần”.

- Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện này là các đương sự bà H, chị D, anh D1 được quyền khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

3. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Công Đ về việc “Yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe bị xâm phạm, chi phí khởi kiện và xin lỗi bằng văn bản”.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Công Đ về việc “Yêu cầu bồi thường thiệt hại tổn thất về tinh thần”.

Buộc ông Phạm Văn B có trách nhiệm bồi thường cho ông Trịnh Công Đ số tiền tổn thất về tinh thần 14.900.000 đồng (mười bốn triệu chín trăm ngàn đồng).

- Về chi phí tố tụng: Ông Trịnh Công Đ phải chịu 900.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. (đã nộp đủ)

- Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trịnh Công Đ được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Văn B phải chịu 745.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đ được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Kể từ ngày án có hiệu lực, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND TP.Biên Hòa (1);
- VKSND T.Đồng Nai (1);
- Chi cục THADS TP.Biên Hòa (1);
- Dương sự (7);
- Lưu (6).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Võ Văn Toàn

